TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 69/2018/DSPT Ngày: 09/3/2018 *V/v* "*Yêu cầu công nhận quyền thừa kế và tranh chấp di sản thừa kế*".	TH

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán : Ông Ngô Anh Dũng;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2017/TLPT-DS ngày 01/10/2017 về việc "Tranh chấp quyền thừa kế" do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo, kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 834/2018/QĐ-PT ngày 12/2/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Thiều Văn C1, sinh năm 1977; trú tại: phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn C2 - Luật sư Văn phòng luật sư A, sinh năm 1987; địa chỉ: đường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2013), có mặt.

Bị đơn:

Ông Đỗ Quang V, sinh năm 1954; trú tại: đường T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Hậu Đ, sinh năm 1970; HKTT: Tổ A, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, tạm trú: Thôn Z, xã X, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2014), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1935; trú tại: phường K, quận S, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Hậu Đ, sinh năm 1970; HKTT: Tổ 4, phường L, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, tạm trú: Thôn Z, xã X, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền ngày 04/02/2016), có mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh;

Người đại diện theo pháp luật là ông Hà Văn T3 - Chủ tịch UBND thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Thị Vân A - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường UBND thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2015), có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Viết M - Chủ tịch UBND phường L, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Việt H3 - Phó Chủ tịch UBND phường L và bà Văn Thị N - Công chức địa chính Phường L (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2015), sau thay đổi ủy quyền là ông Nguyễn Văn T4 - Công chức Địa chính UBND phường L (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2016), sau thay đổi ủy quyền là bà Văn Thị N - Công chức Địa chính UBND phường L (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2013 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Thiều Văn C1 và người đại diện theo ủy của nguyên đơn là ông Phan Văn C2 trình bày:

Bà Đỗ Thị T5 (tên gọi khác là Đỗ Thị Thanh T5) không lấy chồng, nhưng có một người con nuôi là chị Đỗ Đức Phương C3. Anh kết hôn với chị C3 ngày 27/6/2002 (có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh) và vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Thiều Thụy Thùy T7, sinh ngày 19/10/2002 và cháu Thiều Đỗ Gia H4, sinh ngày 19/02/2004. Chị C3 (chết ngày 05/3/2007); bà T5 (chết ngày 10/2/2009) và cả hai không để lại di chúc. Di sản bà T5 để lại là thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 12, diện tích 127,3m^2 tại khối 7 (tổ 12 cũ), phường L, thành phố H; bà T5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 188680 và trên đất có ngôi nhà cấp 4 và tài sản khác gắn liền với đất. Năm 2011, anh về sửa lại nhà và làm thủ tục khai nhận thừa kế cho hai cháu T7 và cháu H4 đối với di sản của bà T5 để lại, nhưng ông Đỗ Quang V ngăn cản không cho sửa và khai nhận thừa kế cho hai cháu. Vì vậy, anh yêu cầu giải quyết tranh chấp về quyền thừa kế tài sản của bà Đỗ Thị T5 giữa anh và ông Đỗ Quang V và

công nhận hai cháu Thiều Thụy Thùy T7 và cháu Thiều Đỗ Gia H4 được hưởng toàn bộ di sản do bà T5 để lại.

Bị đơn là ông Đỗ Quang V và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Hậu Đ trình bày:

Về quan hệ nuôi con nuôi giữa bà T5 và chị C3 không không có cấp chính quyền nào thừa nhận.

Về thửa đất mà phía nguyên đơn yêu cầu thì có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp cho cụ Đỗ Bá M (chết năm 1978) và cụ Hồ Thị L (chết năm 1993) là di sản của bố mẹ của ông để lại. Bà T5 là con của hai cụ, vì không lấy chồng nên sống cùng hai cụ và khi hai cụ chết bà T5 là người quản lý di sản. Việc Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành Quyết định số 1212/QĐ-UB ngày 01/8/2005 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như phía nguyên đơn trình bày cho bà T5 là trái với quy định Luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 44; điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP; tiểu mục b.1 mục 5.1 phần III Thông tư 01/2005/TT-BTNMT; điểm h khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 3 quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng thời yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1212/QĐ-UB ngày 01/8/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã H liên quan đến phần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị Thanh T5.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị T2 và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Hậu Đ trình bày: Vợ chồng cụ Đỗ Bá M (chết năm 1978) và cụ Hồ Thị L (chết năm 1993) sinh được 07 người con là Đỗ Thị H1 (chết từ nhỏ), Đỗ Xuân T1 (chết năm 11 tuổi), Đỗ Thị H2 (chết năm 1943), Đỗ Xuân V (chết năm 1997), Đỗ Thị Tuyết N (chết năm 1994), bà Đỗ Thị T5 (chết năm 2009) và bà. Di sản của cụ M và cụ L để lại hiện nay đang tranh chấp là thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 12, diện tích 127,3m^2 tại khối 7, phường L, thành phố H và ngôi nhà gắn liền với đất. Cụ M và cụ L chết không để lại di chúc và sau khi hai cụ chết thì bà T5 tiếp tục ở và quản lý nhà đất nêu trên, không có ai tranh chấp về tài sản thừa kế. Đây là tài sản hai cụ để lại cho toàn bộ con cháu và trong khi đó trước đây bà T5 đã bán một phần diện tích đất của bố mẹ của bà để lại cho bà Phan Thị Thanh T8. Do đó, bà đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T5 và bà T8 và yêu cầu Tòa án trả lại nguyên trạng thửa đất và tài sản gắn liền với đất mà bố mẹ của bà để lại (BL269).

Ủy ban nhân dân thành phố H xác định:

Thửa đất bà T5 được cấp GCNQSD đất có nguồn gốc được UBND thị xã H cấp năm 1973. Tại bản đồ 299 và sổ mục kê năm 1985 có số thửa 496, mang tên bà Đỗ Thị T5. Tại bản đồ 371 đo vẽ năm 1995 có số thửa 203, Tờ bản đồ số 12 mang tên Đỗ Thị T2 (việc sai sót do ghi chép). Năm 2004, bà T5 làm đơn xin cấp GCNQSD đất. Bà T5 sử dụng ổn định từ khi được cấp đất đến thời điểm được cấp giấy, được đăng ký trong hồ sơ địa chính, do vậy bà T5 được cấp GCNQSD đất theo Quyết định 1212/QĐ-UB ngày 01/8/2005 của UBND thị xã H là đúng quy trình thủ tục, phù hợp với luật đất đai năm 2003. Việc ông Đỗ Quang V yêu cầu hủy phần Quyết định 1212 nêu trên là không có cơ sở và Ủy ban nhân dân thành phố H không chấp nhận (BL372).

Ủy ban nhân dân phường L xác định:

Theo hồ sơ địa chính lưu trữ tại phường thửa đất tranh chấp không có quyết định cấp đất của Cơ quan Nhà nước, chỉ thể hiện tại hồ sơ bản dồ 299 và 371. Trong sổ mục kê bản đồ 299, thửa đất có số thửa là 496 mang tên Đỗ Thị T5. Tại sổ mục kê bản đồ 371, thửa đất có số thửa 203, Tờ bản đồ số 12 mang tên Đỗ Thị T2. Theo Công văn của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh số 01/2017/CV-TA ngày 27/3/2017 (BL 314) thì Tòa án khẳng định " Thực tế năm 1973 cụ M, cụ L được cấp 264m^2" là không có căn cứ, vì không có tài liệu nào chứng minh. Cho nên việc Tòa án cho rằng "tại giấy xin xác nhận nguồn gốc đất ở ngày 20/01/2004 của bà Đỗ Thị Thanh T5 thể hiện: Năm 1973 gia đình được cấp 130m^2 là không chính xác nhưng phường vẫn xác nhận" là không đủ cơ sở. Bản thỏa thuận quyền sử dụng đất thể hiện họ và tên chồng Đỗ Bá M là do sai sót của người kê khai.

Trong bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T5 bao gồm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy xác nhận nguồn gốc đất ở. Qua thẩm định hồ sơ cho thấy, tại hai văn bản này, bà T5 kê khai không thống nhất, đó là tại đơn xác nhận nguồn gốc đất thì kê khai bà T5 được cấp năm 1973, còn tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì kê khai thừa kế của cha mẹ. Kê khai hồ sơ là việc của công dân còn trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường là thẩm định hồ sơ nguồn gốc đất để xác nhận hồ sơ. Qua kết quả kiểm tra hồ sơ lưu trữ 299 và 371, Ủy ban nhân dân phường đã xác nhận nguồn gốc đất cho bà T5. Do không có bất cứ tài liệu nào chứng minh đất là của cụ M, cụ L nên không thể yêu cầu bà T5 bổ sung văn bản phân chia thừa kế.

Đối với vấn đề hồ sơ hộ tịch của chị Đỗ Đức Phương C3: Phường L thành lập từ năm 1981 nhưng đến 1982 Ủy ban nhân dân phường mới lưu trữ sổ hộ tịch. Còn chị C3 sinh ngày 10/11/1979 và đã đăng ký khai sinh tại

UBND thị xã H, tỉnh Nghệ Tĩnh nay là UBND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thì năm 2007 người nhà của chị C3 đưa bản chính giấy khai sinh đến UBND phường L đề nghị cấp bản sao giấy khai sinh. Theo quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 thì việc cấp bản sao giấy khai sinh phải từ sổ đăng ký khai sinh. Nhưng tại thời điểm đó UBND thành phố không còn sổ lưu trữ hộ tịch nên không thể cấp được bản sao giấy khai sinh. Sau đó người nhà của chị C3 đề nghị UBND phường L làm thủ tục đăng ký lại khai sinh, nhưng thời điểm này chị C3 đã chết nên việc đăng ký khai sinh không thực hiện được. Do đó, UBND phường đã sao y bản chính cấp cho người nhà chị C3. Bản sao do UBND phường L cấp thiếu thông tin về người đăng ký bản chính giấy khai sinh còn các thông tin khác thì vẫn đảm bảo đúng theo bản chính giấy khai sinh của chị C3, (BL317).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2015/DS-ST ngày 29/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công nhận cháu Thiều Thụy Thùy T7 và cháu Thiều Đỗ Gia H4 được quyền thừa kế đối với di sản bà Đỗ Thị T5 để lại gồm: Thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 12, diện tích 127,3m^2 tại khối 7, phường L, thành phố H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 188680 ngày 01/8/2005 mang tên Đỗ Thị Thanh T5; ngôi nhà xây cấp 4 và các tài sản khác, cây cối gắn liền với đất.

Bác yêu cầu của bị đơn về việc hủy một phần Quyết định số 1212/QĐ-UB ngày 01/8/2005 của UBND thị xã H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị T5 đối với thửa 203, Tờ bản đồ số 12, diện tích 127,3m^2 tại khối 7, phường L, thành phố H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và các quyền, nghĩa vụ khác cho các đương sự.

Ngày 11/01/2016, ông Trần Hậu Đ (người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà T2) kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với nội dung: Tòa án nhân dân thành phố H xét xử không khách quan, phiến diện, trái với quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật dân sự và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2016/DS-ST ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, quyết định:

Chấp nhận nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Hủy Bản án sơ thẩm số 42/2015/DSST ngày 29/12/2015 của Tòa án

nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 12/7/2016, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý vụ án. Tuy nhiên tại Quyết định chuyển vụ án số 01/2016/QĐST-DS ngày 03/8/2016, Tòa án nhân dân thành phố H đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2017/DSST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thiều Văn C1 về việc công nhận hai cháu Thiều Thụy Thùy T7 và Thiều Đỗ Gia H4 được quyền thừa kế đối với toàn bộ di sản của bà Đỗ Thị T5 để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc hủy một phần Quyết định số 1212/QĐ-UB ngày 01/8/2005 của UBND thị xã H liên quan đến việc cấp GCNQSD cho bà Đỗ Thanh T5 đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 12, diện tích 127,3m^2 tại khối 7 (tổ 12 cũ), phường L, thành phố H.

Tạm giao cho bị đơn ông Đỗ Quang V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T2 quản lý đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 12 tại khối 7 (tổ 12 cũ), phường L, thành phố H là di sản của hai cụ Đỗ Bá M - Hồ Thị L.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 188680 ngày 01/8/2005 mang tên bà Đỗ Thị Thanh T5.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và các quyền, nghĩa vụ khác cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/6/2017, ông Phan Văn C2 (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không khách quan, không xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cư liên quan đến vụ án, không áp dụng đúng quy định của pháp luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại Quyết định số 29/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, với nội dung:

Về quan hệ thừa kế: Tại thời điểm năm 1979, bà T5 nhận chị Đỗ Đức Phương C3 làm con nuôi, nhưng bà T5 không thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 1986 thì chị Đỗ Đức Phương C3 được ông Đỗ Quang V và bà Đỗ Thị T2 thống nhất, thừa nhận là bà T5 có nhận chị C3 làm con nuôi. Do đó, chị C3 là con nuôi thực tế của bà Đỗ Thị T5. Do đó, chị C3 được quyền thừa kế di sản của bà T5 để lại theo Điều 678 Bộ luật dân sự 2005. Nên, cháu T7 và cháu H4 được thừa kế thế vị đối phần di sản của bà T5 để lại.

Về di sản tranh chấp: Di sản tranh chấp là thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 12 có nguồn gốc của cụ M và cụ L được giao đất sử dụng năm 1973. Do hai cụ không để lại di chúc nên bà T5 phải được hưởng một kỷ phần theo luật. Nên, cháu T7 và cháu H4 được hưởng phần di sản mà bà T5 để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phan Văn C2 là người đại diện theo ủy quyền của anh Thiều Văn C1 (nguyên đơn) giữ nguyên kháng cáo và đề nghị xác định chị C3 là con nuôi của bà T5, Công nhận hai cháu T7 và H4 được thừa kế thế vị di sản của bà T5 để lại. Di sản của bà T5 để lại là diện tích 127,3m^2 tại thửa 203, Tờ bản đồ số 12 tại khối 7 (tổ 12 cũ), phường L và nhà trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Hậu Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Quang V (bị đơn) và bà Đỗ Thị T2 (người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan) trình bày: Nguồn gốc 127,3m^2 tại thửa đất 203, Tờ bản đồ số 12 là của cụ M và cụ L được cấp năm 1973 và tại đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T5 thì bà T5 kê khai là thừa kế của bố mẹ. Ngoài ra, còn những người làng xóm làm chứng và chứng kiến việc cụ L và cụ M được chính quyền cấp đất năm 1973.

Đối với căn nhà cấp 4 là của con cháu cụ M và cụ L xây dựng, không phải của bà T5.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Vân A là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến tại cấp sơ thẩm.

Bà Văn Thị N là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H xác định: Nguồn gốc diện tích 127,3m^2 tại thửa 203, Tờ bản đồ số 12 hiện nay tranh chấp thì Ủy ban nhân dân phường L không lưu trữ hồ sơ. Tuy nhiên, tại bản đồ 299 và 371 thể hiện bà T5 là người đăng ký kê khai, sử dụng và sau này bà T5 có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được chính quyền phường làm thủ tục và bà T5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

Đối với hồ sơ hộ tịch của chị Đỗ Đức Phương C3: Do phường L thành lập từ năm 1981 và năm 1982 Ủy ban nhân dân phường mới lưu trữ số hộ tịch. Do đó, không thể hiện chị C3 có được đăng ký theo quy định hay không.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quyết định kháng nghị nêu trên và phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân cấp cao đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Anh Thiều Văn C1 yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về quyền thừa kế tài sản là nhà, đất tại thửa 203, Tờ bản đồ số 12 tại phường L của bà T5 để lại giữa anh C1 và ông Đỗ Quang V và công nhận hai con là cháu T7 và Huy được hưởng toàn bộ di sản của bà T5 để lại. Do đó, quan hệ tranh chấp là "Yêu cầu công nhận quyền thừa kế và tranh chấp di sản thừa kế". Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp quyền thừa kế" là không đầy đủ.

Cụ M (chết năm 1978), cụ L (chết năm 1993) sinh được 07 người con. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người này vào tham gia tố tụng là bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Về nội dung: Bà T5 (chết năm 2009), không chồng và năm 1979 nhận nuôi chị C3 (chết năm 2007); chị C3 kết hôn với anh C1 và có 02 con là cháu T7 và cháu H4. Căn cứ quá trình nuôi dưỡng chị C3 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1998 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì chị C3 là con nuôi của bà T5. Do đó, cháu T7 và cháu H4 được thừa kế di sản của bà T5.

Đối với nhà đất tranh chấp: Phía bị đơn cho rằng là của cụ M, cụ L để lại. Nguồn gốc đất hai cụ được cấp năm 1973, còn căn nhà cấp trên đất là do con cháu của cụ M, cụ L đóng góp xây dựng. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Theo hồ sơ quản lý của chính quyền địa phương thì tại bản đồ 299, 371 đều đứng tên bà T5 và bà T5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Do đó, nhà đất là di sản của bà T5 và cháu T7, Huy được thừa kế thế vị.

Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của anh C1 và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ xác định quan hệ pháp luật chưa đầy đủ và dẫn đến xác định tư cách người tham gia tố tụng còn thiếu. Tài sản trên đất là nhà cấp 4, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ là do ai xây dựng và không định giá nhà và các công trình trên đất để làm cơ sở giải quyết vụ án. Nên, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ

bản án sơ thẩm; giao cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị; các bên đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Kháng cáo của ông Phan Văn C2 (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[2] Liên quan đến tài sản là di sản mà anh C1 yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về quyền thừa kế tài sản của bà Đỗ Thị T5 giữa anh và ông Đỗ Quang V và công nhận hai cháu Thiều Thụy Thùy T7 và cháu Thiều Đỗ Gia H4 được hưởng toàn bộ di sản do bà T5 để lại. Do liên quan đến quyền sở hữu nhà và đất đang tranh chấp là di sản của ai để lại giữa vợ chồng cụ M, cụ L và bà T5 thì theo tài liệu có trong hồ sơ thấy, vợ chồng cụ M và cụ L có 07 người con, Tòa án cấp sơ thẩm cần xác định và đưa các con của hai cụ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì mới đầy đủ.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ thừa kế: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì năm 1979, bà Đỗ Thị T5 (tên gọi khác Đỗ Thị Thanh T5), sinh năm 1932 (không có chồng) nhận chị Đỗ Đức Phương C3 làm con nuôi nhưng không thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án phía gia đình bị đơn thừa nhận chị C3 được bà T5 nhận nuôi năm 1979. Quá trình nuôi dưỡng, gia đình có hỗ trợ kinh phí để bà T5 chăm sóc, nuôi dưỡng chị C3 đến tuổi trưởng thành. Khi chị C3 đi học nghề tại thành phố Hồ Chí Minh, bà T5 bỏ tiền nuôi ăn học và có sự hỗ trợ kinh phí từ phía gia đình bị đơn (BL06, 65, 186). Mối quan hệ mẹ nuôi, con nuôi giữa bà T5 và chị C3 tồn tại trên thực tế, được phía gia đình bị đơn thừa nhận. Đồng thời căn cứ vào sổ hộ khẩu (BL238) gia đình bà Đỗ Thị T5 do Công an thị xã H (nay là Công an thành phố H) cấp năm 1995, thể hiện chị C3 có quan hệ với bà T5 là con, ngoài chị C3 thì bà T5 không có con nào khác. Mặt khác, theo điểm a Điều 6 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì trường hợp bà T5 nhận nuôi chị C3 là con nuôi thực tế. Nên, chị C3 là người thừa kế duy nhất ở hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005. Năm 2002, chị C3 kết hôn với anh Thiều Văn C1 và vợ chồng có hai con chung là cháu Thiều Thụy Thùy T7 (sinh năm

2002) và cháu Thiều Đỗ Gia H4 (sinh năm 2004). Chị C3 (chết năm 2007) và bà T5 (chết năm 2009) cả hai không để lại di chúc nên hai cháu T7 và Huy được thừa kế thế vị di sản của bà T5 theo quy định tại Điều 677 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, anh Thiều Văn C1 là bố của cháu T7 và cháu H4 khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cháu T7 và Cháu H4 được quyền thừa kế di sản của bà T5 để lại là có căn cứ.

[4] Về di sản tranh chấp: Thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 12, diện tích 127,3m^2 tại khối 7 (tổ 12 cũ), phường L, thành phố H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 188680 ngày 01/8/2005 đứng tên bà T5 có nguồn gốc được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp năm 1973. Tuy nhiên, trước năm 1985 không có hồ sơ lưu trữ việc thửa đất đang tranh chấp cấp cho ai. Nhưng tại bản đồ 299 và sổ mục kê năm 1985 có số thửa 496, mang tên bà Đỗ Thị T5. Tại bản đồ 371 đo vẽ năm 1995 có số thửa 203, Tờ bản đồ số 12 mang tên Đỗ Thị T2 (việc sai sót do ghi chép). Năm 2004, bà T5 làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà T5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định 1212/QĐ-UB ngày 01/8/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã H. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định khi Nhà nước thực hiện đăng ký thống kê về đất đai theo chỉ thị 299 cũng không thể hiện ai là người đứng tên kê khai thửa đất là không đúng.

[5] Tại Công văn số 17/UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H (trả lời phúc đáp công Văn 01/2017/CV-TA của Tòa án nhân dân Hà Tĩnh) (tại bút lục 316) khẳng định: Theo công văn của Tòa án khẳng định "Thực tế năm 1973 cụ M, Lương được cấp 264m^2" là không có căn cứ, vì không có tài liệu lưu trữ nào chứng minh. Cho nên việc Tòa cho rằng "tại giấy xin xác nhận nguồn gốc đất ở ngày 20/01/2004 của bà Đỗ Thị Thanh T5 thể hiện: Năm 1973 gia đình bà T5 được cấp 130m^2 là không chính xác nhưng phường vẫn xác nhận" là không đủ cơ sở. Bản thỏa thuận quyền sử dụng đất thể hiện họ và tên chồng Đỗ Bá M là do sai sót của người kê khai. Trong bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị Thanh T5 bao gồm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy xác nhận nguồn gốc đất ở. Qua thẩm định hồ sơ cho thấy, tại 2 văn bản này, bà T5 kê khai không thống nhất, đó là tại đơn xác nhận nguồn gốc đất thì kê khai bà T5 được cấp năm 1973 còn tại đơn xin cấp giấy chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì kê khai thừa kế của cha mẹ. Kê khai hồ sơ là việc của công dân còn trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường là thẩm định hồ sơ nguồn gốc đất để xác nhận hồ sơ. Qua kết quả kiểm tra hồ sơ lưu trữ 299 và 371, Ủy ban nhân dân phường đã xác nhận nguồn gốc đất cho bà T5. Do không có bất cứ tài liệu nào chứng minh đất là của cụ M, Lương nên không thể yêu cầu bà T5 bổ sung văn bản phân chia thừa kế.

[6] Tòa án cấp sở thẩm căn cứ vào bản kê khai nguồn gốc đất của bà T5 kê khai nguồn gốc đất "thừa kế của cha mẹ" và Ủy ban nhân dân phường L xác nhận "đất hộ bà Đỗ Thị Thanh T5 thuộc đất nguồn gốc" và các nhân chứng sống cùng thời điểm, cùng khối phố đều khẳng định nguồn gốc thửa đất của hai cụ Đỗ Bá M, Hồ Thị L; bà T5 không lấy chồng nên đã sống cùng hai cụ M Lương trên thửa đất này (BL122, 131, 182) và căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 21, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 về xác định nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất đã khẳng định diện tích 127,3m^2 thửa 203, Tờ bản đồ số 12 tại khối 7, phường L, thành phố H hiện đang tranh chấp có nguồn gốc của cụ Đỗ Bá M-Hồ Thị L được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp năm 1973 là chưa đủ căn cứ.

[7] Ngoài ra, trên thửa đất tranh chấp hiện tại có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 46,72m^2 xây dựng khoảng năm 1995, theo nguyên đơn ngôi nhà này của bà T5, còn theo phía bị đơn cho rằng là nhà của phía gia đình bị đơn xây dựng, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem xét nguồn gốc và giá trị căn nhà này để giải quyết triệt để vụ án là chưa đầy đủ.

Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là có căn cứ một phần.

Tuy nhiên, với việc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc thu thập, đánh giá chứng cứ nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó, cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Do hủy bản án sơ thẩm nên anh Thiều Văn C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của anh Thiều Văn C1 (do ông Phan Văn C2 là người đại diện theo ủy quyền) và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về vụ án "Tranh chấp quyền thừa kế" giữa: Nguyên đơn là anh Thiều Văn C1 với bị đơn là ông Đỗ Quang V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T2, Ủy ban nhân dân thành phố H và Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Thiều Văn C1 không phải nộp. Hoàn trả lại cho anh Thiều Văn C1 (Phạm Vĩnh Lộc nộp thay) 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001146 ngày 27/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký		Đã ký
Phan Thị Vân Hương	**Ngô Anh Dũng**	**Đặng Văn Hưng**

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Văn Hưng